

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/ 5 /2021

V/v: "*Kiến xin ly hôn*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Văn

2. Bà Nguyễn Thị Vòng

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Hoàng Mai – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2020 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2021 giữa các đương sự:

1, Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L; sinh năm: 1983;

Nơi ĐKNKTT: Đội 1, Đ, T, huyện T, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ cần báo: Khu phố 5, N, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Chị Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

2, Bị đơn: Anh Phạm Văn Q; sinh năm: 1974;

Nơi ĐKNKTT: Thôn 2 N, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Anh Phạm Văn Q vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/9/2020, được bổ sung tại bản tự khai, cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Q đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 13/9/2002, kết

hôn trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị về sống chung tại Thôn 2 N, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Trong cuộc sống, vợ chồng luôn xảy ra bất đồng về quan điểm, lối sống, mâu thuẫn nặng nề vì không ai yêu thương ai, vợ chồng suốt ngày cãi vã. Anh Q đi làm nhưng không mang tiền về để nuôi con cũng như lo cho cuộc sống gia đình chung. Anh Q không quan tâm gì đến vợ con. Trong gia đình việc ai người đẩy lo. Vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay. Đến nay chị L không còn tình cảm với chồng nữa vì anh Q không yêu thương mẹ con chị. Hiện mẹ con chị đã sinh sống ổn định tại thị xã U, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, nguyện vọng của chị là xin được ly hôn anh Q để ổn định cuộc sống, công việc và nuôi con.

Về con chung: Chị Phạm Thị L thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Kiến M sinh ngày 08/11/2012. Hiện cháu M đang sinh sống, học tập ổn định tại Bình Dương. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị L không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung để vợ chồng chị tự thỏa thuận.

***Về bị đơn anh Phạm Văn Q:**

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai, gửi giấy triệu tập cho các bên đương sự, tiến hành ba phiên hòa giải. Nhưng anh Q chỉ gửi đến Tòa án 01 Đơn xin gia hạn đề ngày 28/10/2020, với nội dung xin được gia hạn về việc ly hôn với chị Phạm Thị L, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 28/10/2020 đến hết ngày 28/10/2021. Tòa án đã có văn bản trả lời anh Q về việc không có cơ sở để chấp nhận đơn xin gia hạn của bị đơn với thời hạn 12 tháng như đề nghị của bị đơn. Anh Q không đến làm việc theo các giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Anh Q đã ký nhận các văn bản tố tụng. Bị đơn anh Q không đến tham gia phiên hòa giải theo giấy triệu tập nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, HTND đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Căn cứ vào quá trình giải quyết vụ án, tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn Q. Chị L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Kiến M sinh ngày 08/11/2012. Anh Q chưa phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; là nơi bị đơn anh Phạm Văn Q có đăng ký nhân khẩu thường trú: xã N, thành phố Đồng Hới. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án, thông báo về phiên hòa giải, tiếp cận chứng cứ nhưng anh Q chỉ gửi đến Tòa án 01 Đơn xin gia hạn đề ngày 28/10/2020, với nội dung xin được gia hạn về việc ly hôn với chị Phạm Thị L, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 28/10/2020 đến hết ngày 28/10/2021, lý do: cần thời gian để giải quyết, chưa được thỏa thuận giữa hai bên. Theo đó, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã có văn bản trả lời anh Q: Căn cứ Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự, trường hợp cần gia hạn thì bị đơn phải có đơn đề nghị gia hạn gửi cho Tòa án nêu rõ lý do; nếu việc đề nghị gia hạn là có căn cứ thì Tòa án phải gia hạn nhưng không quá 15 ngày. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận đơn xin gia hạn của bị đơn với thời hạn 12 tháng như đề nghị của bị đơn. Anh Phạm Văn Q cũng không đến Tòa án tham gia buổi công khai chứng cứ, hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và đã nhận được Văn bản số 1636/CADH-THAHS ngày 18/5/2021 của Công an thành phố Đồng Hới xác nhận: Công dân Phạm Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N 2, xã N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình và chưa cắt chuyển hộ khẩu đi đâu; Số hộ khẩu: 18892-000434; chủ hộ là bà Trần Thị L; Mỗi quan hệ với chủ hộ là con; hiện nay Phạm Văn Q đang sinh sống tại nơi đăng ký thường trú. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định. Ngày 28/4/2021 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nhưng nguyên đơn và bị đơn anh Q vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ nhất. Do đó, HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2021 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 27/5/2021 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bị đơn anh Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; đã được tổng đạt qua dịch vụ bưu chính bằng thư bảo đảm và có ký nhận của anh Phạm Văn Q đã nhận văn bản tố tụng Tòa án. Bị đơn anh Q đều vắng mặt trong quá trình hòa giải và xét xử vụ án, tức là bị đơn cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 68, 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Đối với chị Phạm Thị L vì lý do hiện chị sinh sống tại Khu phố 5, N, thị xã U, tỉnh Bình Dương nên đi lại khó khăn đặc biệt trong thời điểm dịch bệnh Covid 19 nên tại phiên tòa lần thứ hai chị không tham gia được và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án

tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị L và bị đơn anh Phạm Văn Q.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Q xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp; anh chị đã có thời gian khá dài chung sống; lẽ ra anh chị phải biết thương yêu, nhường nhịn, tôn trọng, tin tưởng nhau cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại anh chị không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, cuộc sống chung vợ chồng trong nhiều năm gần đây luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng trong cách sống, cách xử sự với nhau, thiếu tin tưởng nhau, từ đó vợ chồng có những lời nói và hành động tổn thương đến tình cảm vợ chồng. Không ai quan tâm đến ai, thiếu bàn bạc thống nhất vợ chồng, tình cảm vợ chồng mất mát dần. Mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài từ nhiều năm nay nhưng hai bên không thể khắc phục và ngày càng căng thẳng do không tìm được tiếng nói chung; đã hơn một năm nay vợ chồng sống ly thân không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng trong thực tế đời sống. Đến nay chị L không còn tình cảm với chồng nữa vì anh Q không yêu thương mẹ con chị. Hiện mẹ con chị đã sinh sống ổn định tại thị xã U, tỉnh Bình Dương

Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn, anh Q biết rõ vụ kiện nhưng cũng không có ý gì muốn níu kéo hôn nhân mà thờ ơ để mặc, anh cũng không mong muốn được Tòa án hòa giải, thể hiện ở việc anh không đến tham gia các phiên họp, làm việc, hòa giải mà Tòa án triệu tập. Điều đó thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần thiết phải cho chị L được ly hôn anh Q là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Chị Phạm Thị L thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Kiến M sinh ngày 08/11/2012. Hiện cháu M đang sinh sống, học tập ổn định tại Bình Dương cùng chị L. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn trình bày của cháu Phạm Kiến M gửi đến Tòa án ngày 07/12/2020 mong muốn được ở cùng mẹ L vì hiện giờ việc ăn ở, học tập của cháu ở Bình Dương cùng mẹ đã ổn định về mọi mặt. Xét nguyện vọng của chị L muốn trực tiếp nuôi dưỡng con chung là chính đáng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M. Chị L có đủ điều kiện để nuôi con, hơn nữa anh Q cũng không đến Tòa án trình bày nguyện vọng của mình. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Phạm Kiến M sinh ngày 08/11/2012 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Phạm Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, để vợ chồng chị tự thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q không đến Tòa án cũng không gửi văn bản ý kiến của mình về vấn đề tài sản chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006705 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phạm Văn Q.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung cháu Phạm Kiến M sinh ngày 08/11/2012 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung; không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước. Số tiền chị Phạm Thị L phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Phạm Thị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/0006705 ngày 16 tháng 10 năm 2020.

Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- UBND xã Hồng Thủy, h. Lệ Thủy, QB;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa